

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN



Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Cấm sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Cấm cho mượn, cho thuê và trao đổi Giấy chứng nhận.
4. Cấm hoạt động không đúng phạm vi, lĩnh vực theo Giấy chứng nhận được cấp.
5. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung tại Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 156

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 156

(Cấp lần: 01)

Tên tổ chức:

Chi nhánh Cần Thơ - Trung tâm Dịch vụ phân tích thí nghiệm
Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở chính:

F2.67- F2.68, đường số 6, khu dân cư 586, phường Phú Thứ,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Quyết định số: **817** /QĐ-BTNMT ngày **08** tháng **4** năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận
đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Nguyễn Quang Sử Chức vụ: Giám đốc chi nhánh

CMND số: 361687709 do Công an thành phố Cần Thơ

Cấp ngày 23 tháng 6 năm 2009

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 03 năm

Từ ngày **08** tháng **4** năm 2016

Đến ngày **07** tháng **4** năm 2019

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:

- | | | |
|------------------|---|---------------------------------|
| - Nước mặt: | Lấy mẫu ☒ | Đo tại hiện trường: 04 thông số |
| - Nước thải: | Lấy mẫu ☒ | Đo tại hiện trường: 02 thông số |
| - Nước dưới đất: | Lấy mẫu ☒ | Đo tại hiện trường: 04 thông số |
| - Nước biển: | Lấy mẫu ☒ | Đo tại hiện trường: 04 thông số |
| - Nước mưa: | Lấy mẫu ☒ | Đo tại hiện trường: 03 thông số |

2. Khí:

- | | | |
|---|----------------------|---------------------------------|
| - Không khí xung quanh
và môi trường lao động: | Lấy mẫu: 03 thông số | Đo tại hiện trường: 06 thông số |
|---|----------------------|---------------------------------|

3. Đất:

Lấy mẫu ☒

4. Bùn:

Lấy mẫu ☒

5. Trầm tích:

Lấy mẫu ☒

6. Chất thải rắn:

Lấy mẫu ☒

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:

- | | |
|------------------|-------------|
| - Nước mặt: | 11 thông số |
| - Nước thải: | 11 thông số |
| - Nước dưới đất: | 11 thông số |
| - Nước biển: | 08 thông số |
| - Nước mưa: | 11 thông số |

2. Khí:

- | | |
|---|-------------|
| - Không khí xung quanh
và môi trường lao động: | 03 thông số |
|---|-------------|

3. Đất:

05 thông số

4. Bùn:

05 thông số

5. Trầm tích:

05 thông số

6. Chất thải:

05 thông số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các Thông số được chứng nhận
kèm theo Quyết định số: **817** /QĐ-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên
và Môi trường).

Hà Nội, ngày **08** tháng **4** năm 2016

TUQ. BỘ TRƯỞNG
TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Văn Tài